

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH LỢI  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 5 – 2021.

*Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Trang Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Trần Minh Đáng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 236/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Trần T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi ở hiện nay: Ấp A, xã , huyện P, tỉnh Bình Dương.

**2. Bị đơn:** Anh **Phan V**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

*(Nguyên đơn chị Trần T có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Phan V vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 8 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23 tháng 11 năm 2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần T trình bày: Năm 1996, chị T và anh Phan V tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2008, chị T và anh V đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38/2008 ngày 12 tháng 4 năm 2008.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống, chị T và anh V thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị T và

anh V đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Sau khi ly thân, chị T và anh V có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị T và anh V có 03 người con chung là anh Phan Ch sinh năm 1997, anh Phan E sinh năm 2001 và cháu Phan Tr sinh ngày 08 tháng 9 năm 2008. Hiện anh Phan Ch và anh Phan E đã trưởng thành còn cháu Tr hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Tr, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, bị đơn anh Phan V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, Tòa án có đến nhà của anh V nhưng không gặp anh V nên không có lời khai của anh V. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do chị Tuyền cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Trảng; về con chung, anh Phan Ch sinh năm 1997 và anh Phan E sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết, giao cháu Phan Tr sinh ngày 08 tháng 9 năm 2008 cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung, chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Phan V. Khi khởi kiện, anh V có địa chỉ tại ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, chị Trần T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần T và anh Phan V tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2008 ngày 12 tháng 4 năm 2008 nên hôn nhân giữa chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Chị Trần T xác định trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh V phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Sau khi ly thân chị T và anh V có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 3 năm 2021, bà Lê Th là mẹ của anh V cũng xác định chị T và anh V đã không còn chung sống với nhau do giữa chị T và anh V có mâu thuẫn với nhau. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh V đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xử cho chị T ly hôn với anh Trảng.

[5] Về con chung: Chị T và anh V có 03 người con chung là anh Phan Ch sinh năm 1997, anh Phan E sinh năm 2001 và cháu Phan Tr sinh ngày 08 tháng 9 năm 2008. Do anh Phan Ch và anh Phan E đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu giải quyết, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tr. Thấy rằng, cháu Tr hiện đang sống chung với chị T và cháu Tr có nguyện vọng sống chung với chị T theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 23 tháng 11 năm 2020 của cháu Tr. Do vậy, tiếp tục giao cháu Tr cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008407 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí.

[9] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần T đối với anh Phan V. Xử cho chị Trần T được ly hôn với anh Phan V.

**2. Về con chung:** Cháu Phan Ch sinh năm 1997 và cháu Phan E sinh năm 2001 đã trưởng thành, chị Trần T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Giao cháu Phan Tr sinh ngày 08 tháng 9 năm 2008 cho chị Trần T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục; (cháu Phan Tr đang sống chung với chị Trần T).

Anh Phan V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị Trần T không yêu cầu anh Phan V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

**4. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Trần T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

**5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình:** Chị Trần T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Trần T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0008407 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí.

**6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Vĩnh Lợi (1b);
- Chi Cục THADS huyện Vĩnh Lợi (1b);
- UBND xã C, huyện Vĩnh Lợi (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ (1b); VP (3b).

**Ngô Trang Thảo**